



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2014

Gồm các biểu:

- | | |
|----------------------------------|---------------------|
| 1. Bảng cân đối kế toán | (Mẫu số B01 -DN) |
| 2. Kết quả hoạt động kinh doanh | (Mẫu số B02 - DN) |
| 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | (Mẫu B04-DN) |
| 4. Thuyết minh báo cáo tài chính | (Mẫu số B09 - DN) |
| 5. Bảng cân đối phát sinh | |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2014

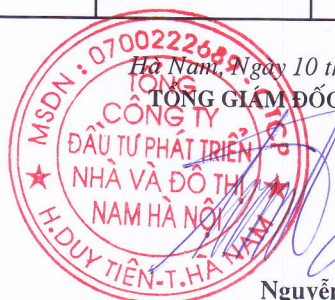
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VNĐ	01/01/2014 VNĐ
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		18 434 041 468	26 534 188 433
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		167 175 502	5 036 715 201
1. Tiền	111	5.1	167 175 502	5 036 715 201
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13 112 901 097	14 216 461 984
1. Phải thu của khách hàng	131		4 170 732 274	3 848 345 864
2. Trả trước cho người bán	132		8 942 168 823	10 368 116 120
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135			
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139			
IV. Hàng tồn kho	140		3 260 390 364	5 610 410 101
1. Hàng tồn kho	141	5.2	3 260 390 364	5 610 410 101
- Hàng hóa kho bảo thuế	14A			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1 893 574 505	1 670 601 147
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1 893 574 505	1 670 601 147
5. Tài sản ngắn hạn khác	158			
B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		97 229 887 759	92 175 997 707
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị phụ thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		97 045 707 393	91 944 462 628
1. TSCĐ hữu hình	221	5.3	50 927 194 653	51 927 574 442
- Nguyên giá	222		59 629 383 468	59 294 249 273
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-8 702 188 815	-7 366 674 831
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.4	46 118 512 740	40 016 888 186
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.5		

4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		184 180 366	231 535 079
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		184 180 366	231 535 079
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270		115 663 929 227	118 710 186 140
Nguồn vốn				
A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	300		23 685 784 941	26 898 385 072
I. Nợ ngắn hạn	310		23 685 784 941	26 898 385 072
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.6	2 500 000 000	3 000 000 000
2. Phải trả cho người bán	312		19 564 634 533	15 926 625 451
3. Người mua trả tiền trước	313		1 593 314 882	7 877 798 673
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	5.7	27 835 526	93 960 948
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319			
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323			
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	400		91 978 144 286	91 811 801 068
I. Vốn chủ sở hữu	410		91 978 144 286	91 811 801 068
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.8	88 350 000 000	88 350 000 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.9	3 628 144 286	3 461 801 068
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431			
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		115 663 929 227	118 710 186 140
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	000			
1. Tài sản thuế ngoài	N01			
2. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	N02			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi	N03			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	N04			
5. Ngoại tệ các loại	N05			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	N06			

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Đạo



Hà Nam, Ngày 10 tháng 07 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Hoàn

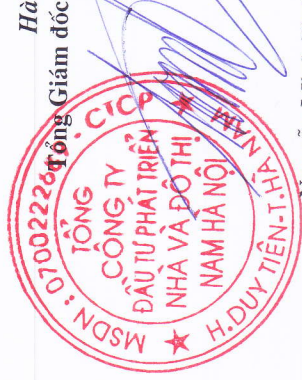
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH
QUÝ II NĂM 2014

Mã	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý II/2013 VND	Quý II/2014 VND	Lũy kế 6 tháng đầu năm 2013	Lũy kế 6 tháng đầu năm 2014
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.10	11 108 698 311	12 418 394 837	19 355 936 489	20 228 893 210
02	2. Các khoản giảm trừ					
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		11 108 698 311	12 418 394 837	19 355 936 489	20 228 893 210
11	4. Giá vốn hàng bán	5.11	10 057 108 800	11 352 203 739	17 379 286 370	18 121 243 247
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		1 051 589 511	1 066 191 098	1 976 650 119	2 107 649 963
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	5.12	2 663 208	574 200	10 694 886	2 414 400
22	7. Chi phí tài chính		151 366 667	24 000 000	257 632 472	168 266 666
23	- Trong đó: Lãi vay phải trả		151 366 667	24 000 000	257 632 472	168 266 666
24	8. Chi phí bán hàng					
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		740 296 684	907 144 718	1 454 637 506	1 752 535 434
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		162 589 368	135 620 580	275 075 027	189 262 263
31	11. Thu nhập khác					327 272 727
32	12. Chi phí khác					303 274 454
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)					23 998 273
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		162 589 368	135 620 580	275 075 027	213 260 536
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.13	40 647 342	29 836 527	68 768 756	46 917 318
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại					
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)		121 942 026	105 784 053	206 306 271	166 343 218
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu					

Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Đạo



Hà Nam, Ngày 10 tháng 07 năm 2014

Tổng Giám đốc

Nguyễn Minh Hoàn

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
QUÝ II NĂM 2014

MẪU B03-DN
Đơn vị: VND

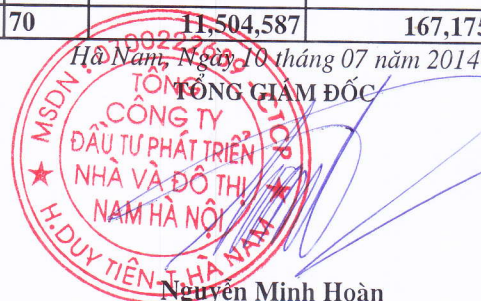
Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế 6 tháng đầu năm 2013	Lũy kế 6 tháng đầu năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	275,075,027	213,260,536
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1,206,777,336	1,595,667,181
- Các khoản dự phòng	03		
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-10,694,886	-26,412,673
- Chi phí lãi vay	06	257,632,472	168,266,666
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1,728,789,949	1,950,781,710
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	-1,958,456,388	553,314,802
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	5,872,828,449	2,350,019,737
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	-6,277,905,317	-8,464,369,128
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-279,537,209	57,883,776
- Tiền lãi vay đã trả	13	-257,632,472	-168,266,666
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-591,925,898	-64,671,348
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	-1,763,838,886	-3,785,307,117
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	-7,475,388,825	-909,090,909
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		327,272,727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	6,400,000,000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10,694,886	-2,414,400
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-1,064,693,939	-584,232,582
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	6,000,000,000	5,600,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-7,109,003,500	-6,100,000,000
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-1,109,003,500	-500,000,000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	-3,937,536,325	-4,869,539,699
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3,949,040,912	5,036,715,201
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	11,504,587	167,175,502

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Đạo

Hà Nam, Ngày 10 tháng 07 năm 2014
TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NHÀ VÀ ĐÔ THỊ
NAM HÀ NỘI
H. DUY TIÊN, HÀ NAM



Nguyễn Minh Hoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội (gọi tắt là "Tổng Công ty") thành lập theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0700.222.689 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2010 trên cơ sở chuyển đổi tên gọi từ Công ty Cổ phần Thành Mỹ.

Tiền thân là Công ty TNHH Thành Mỹ được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0602000342 ngày 26 tháng 03 năm 2004. Đến ngày 27 tháng 11 năm 2007, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000386 Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Thành Mỹ.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700.222.689 của Tổng Công ty là 88.350.000.000 đồng.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Xây dựng công trình: Dân dụng (xây dựng nhà ở, công trình văn hóa, thể thao, siêu thị ...), Công nghiệp, Giao thông (cầu, đường, cống ...), Thủy lợi, xây dựng các công trình điện lực (đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 35Kv trở xuống), Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng. Đầu tư xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp, đô thị và dân cư (4100, 42102, 4290), San lấp và chuẩn bị mặt bằng (431); Khai thác đá, đất, cát, sỏi (0810), Chế biến đá; Mua bán: Vật liệu xây dựng (gạch, ngói, xi măng, đá, cát, sỏi ...) (46632, 46633); Mua bán hàng trang trí nội ngoại thất (46636); Mua bán sắt thép (46622); Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (46639); Kinh doanh: xăng, dầu, gas, khí hóa lỏng (46613); Mua bán đá mỹ nghệ; Sản xuất sản phẩm từ bê tông, sản xuất bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép và cấu kiện bê tông khác (23950); Vận tải hàng hóa bằng đường thủy (5022) và đường bộ (4933); Sản xuất kinh doanh chế biến hàng lâm sản (1610, 162); Cho thuê máy móc, thiết bị thi công công trình (77302); Kinh doanh bất động sản, kinh doanh siêu thị và cho thuê văn phòng (68100); Kinh doanh du lịch và các dịch vụ du lịch (7911, 7912, 7920); Kinh doanh khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, dịch vụ lưu trú ngắn ngày (5510); Mua bán hàng kim khí, điện máy, máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) (46592); Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa; Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa (46101).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN MỚI

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tổng Công ty đã thực hiện các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

4.4 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6-45
Máy móc thiết bị	8-10
Phương tiện vận tải	8-10
Thiết bị quản lý	8

4.5 Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, các chi phí khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4.6 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

4.8 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kê toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2014</u> VND	<u>01/01/2014</u> VND
Tiền mặt	164.621.753	638.734.590
Tiền gửi ngân hàng	2.553.749	4.397.980.611
Tiền đang chuyển		
Cộng	<u>167.175.502</u>	<u>5.036.715.201</u>

5.2 HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2014</u> VND	<u>01/01/2014</u> VND
Hàng mua đang đi đường		
Nguyên liệu, vật liệu	263.656.991	1.998.031.174
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.996.733.373	3.612.378.927
Thành phẩm		
Hàng hóa		
Cộng	<u>3.260.390.364</u>	<u>5.610.410.101</u>

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ NAM HÀ NỘI

Cụm Công nghiệp Cầu Giát, Duy Tiên, Hà Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Báo cáo tài chính
Cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

MẪU B 09 - DN

5.3 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	43.340.031.469	6.226.280.433	9.693.937.371	59.260.249.273
Tăng trong kỳ		909.090.909		909.090.909
Mua trong kỳ		909.090.909		909.090.909
Tặng khác (*)				
Giảm trong kỳ		136.363.640	403.593.074	539.956.714
Chuyển bất động sản đầu tư				
Giảm khác		136.363.640	403.593.074	539.956.714
Tại ngày 30/06/2014	43.340.031.469	6.999.007.702	9.290.344.297	59.629.383.468
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	2.536.866.279	921.011.312	3.887.451.303	7.345.328.894
Tăng trong kỳ	788.663.293	316.587.603	488.291.285	1.593.542.181
Trích khấu hao	788.663.296	316.587.603	488.291.285	
Tặng khác				
Giảm trong kỳ		12.045.455	224.636.805	236.682.260
Giảm khác		12.045.455	224.636.805	236.682.260
Tại ngày 30/06/2014	3.325.529.572	1.225.553.460	4.151.105.783	8.702.188.815
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2014	40.803.165.189	5.305.269.121	5.806.486.068	51.914.920.378
Tại ngày 30/06/2014	40.014.501.896	5.773.454.242	5.139.238.514	50.927.194.652

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ NAM HÀ NỘI

Cụm Công nghiệp Cầu Giát, Duy Tiên, Hà Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5.4 XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Trạm trộn bê tông Hoàng Đông	4.885.354.548	4.885.354.548
Công trình Cầu Giát		
Khu đô thị mới Hoà Mạc	36.316.346.338	35.131.533.638
Nhà làm việc		
Dự án sân vận động Đồng Văn	4.916.811.854	
Cộng	46.118.512.740	40.016.888.186

5.5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Góp vốn liên doanh vào nhà máy gạch Lý Nhân		
Góp vốn vào C.Ty CP Bất động sản HAMICO		
Cộng		

5.6 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Duy Tiên	2.000.000.000	3.000.000.000
Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/HĐTD ngày 14 tháng 11 năm 2011, tổng hạn mức tín dụng 5 tỷ đồng mục đích vay vốn chi phí mua NVL, CP nhân công, thời gian hiệu lực của hợp đồng là 12 tháng, lãi suất 1,625%/tháng		
Vay cá nhân	500.000.000	
Cộng	2.500.000.000	3.000.000.000

5.7 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.835.526	64.671.348
Thuế nhà đất và tiền thuê đất		29.289.600
Thuế tài nguyên		
Phí môi trường		
Cộng	27.835.526	93.960.948

5.8 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	01/01/2014 (VND)	Tăng trong năm (VND)	Giảm trong năm (VND)	30/06/2014 (VND)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. Nguồn vốn kinh doanh	88.350.000.000			88.350.000.000
1. Vốn chủ sở hữu	88.350.000.000			88.350.000.000
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản				
II. Các quỹ				
1. Quỹ đầu tư phát triển				
III. Lợi nhuận chưa phân phối	3.461.801.068	166.343.218		3.628.144.286
VI. Quỹ khác				
1. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu				
2. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản				
Cộng	91.811.801.068	166.343.218		91.978.144.286

Chi tiết vốn chủ sở hữu

Tại thời điểm 30/06/2014, theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tổng số vốn điều lệ của Tổng Công ty là 88.350.000.000 đồng. Tình hình góp vốn cụ thể như sau:

Cổ đông	Cơ cấu sở hữu			Trong đó		Giá trị vốn thực góp tại 30/06/2014 (VND)
	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Cổ phần phổ thông	Cổ phần ưu đãi	
Nguyễn Minh Hoàn	1.480.200	16,75	14.802.000.000	1.480.200		14.802.000.000
Cù Đức Ngọc	18.000	0,20	180.000.000	18.000		180.000.000
Nguyễn Hồng Thái	51.700	0,58	517.000.000	51.700		517.000.000
Đặng Văn Lành	15.000	0,17	150.000.000	15.000		150.000.000
Các cổ đông khác	7.270.100	82,3	72.701.000.000	7.270.100		72.701.000.000
Cộng	8.835.000	100%	88.350.000.000	8.835.000	-	88.350.000.000

Cổ phiếu

	30/06/2014	01/01/2014
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	8.835.000	8.835.000
- Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	8.835.000	8.835.000
+ Cổ phiếu thường	8.835.000	8.835.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng Cổ phiếu đã mua lại		
+ Cổ phiếu thường		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.835.000	8.835.000
+ Cổ phiếu thường	8.835.000	8.835.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000đ/Cổ phiếu		

5.9 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

30/06/2014	01/01/2014
VND	VND

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ NAM HÀ NỘI

Cụm Công nghiệp Cầu Giát, Duy Tiên, Hà Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

	Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	3.461.801.068	3.059.723.696
	Tổng lợi nhuận trước thuế phát sinh trong kỳ	213.260.536	536.103.162
	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	46.917.318	134.025.790
	Trong đó: DN được miễn giảm 30% số thuế TNDN		
	Lợi nhuận sau thuế	166.343.218	402.077.372
	Phân phối thu nhập		
	- Trích lập quỹ dự phòng tài chính		
	- Trích lập quỹ đầu tư phát triển sản xuất		
	- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi		
	Lợi nhuận chưa phân phối	3.628.144.286	3.461.801.068
5.10	DOANH THU		
		30/06/2014	30/06/2013
		VND	VND
	Doanh thu xây lắp và giải phóng mặt bằng	20.228.893.210	19.355.936.489
	Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
	Cộng	20.228.893.210	19.355.936.489
5.11	GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
		30/06/2014	30/06/2013
		VND	VND
	Giá vốn hợp đồng xây dựng	18.121.243.247	17.379.286.370
	Giá vốn hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
	Cộng	18.121.243.247	17.379.286.370
5.12	DOANH THU, CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
		30/06/2014	30/06/2013
		VND	VND
	Lãi tiền gửi, cho vay	2.414.400	10.694.886
	Doanh thu hoạt động tài chính	2.414.400	10.694.886
	Phí chuyển tiền		
	Lãi vay phải trả	168.266.666	257.632.472
	Chi phí hoạt động tài chính	168.266.666	257.632.472
	Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	-165.852.266	-246.937.586
5.13	THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP		
		30/06/2014	30/06/2013
		VND	VND
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	213.260.536	275.075.027
	Các khoản điều chỉnh lợi nhuận để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Tổng thu nhập chịu thuế	213.260.536	275.075.027
Thuế suất thông thường	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	46.917.318	68.768.756
<i>Trong đó: DN được miễn giảm 30% thuế TNDN</i>		
Thuê TNDN thực tế phải nộp	46.917.318	68.768.756
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	166.343.218	206.306.271

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

5.14 SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Tổng Công ty không có khoản cam kết thuê hoạt động nào tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

5.15 CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

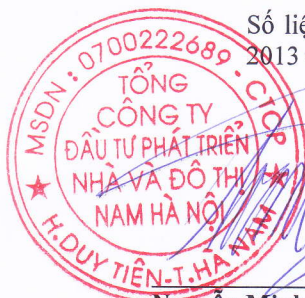
Tổng Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào khác cần điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

5.16 SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Tổng Công ty không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

5.17 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Tổng Công ty Đầu tư phát triển Nhà và Đô Thị Nam Hà Nội.



Nguyễn Minh Hoàn
Tổng Giám đốc

Hà Nam, ngày 10 tháng 07 năm 2014

Nguyễn Hoàng Đạo
Kế toán trưởng

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NHÀ VÀ ĐÔ THỊ NAM HÀ NỘI

Số: 11/2014/NHA/CV

V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận so
với cùng kỳ năm trước

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Duy Tiên, ngày 17 tháng 7 năm 2014

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Căn cứ Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ tài chính về việc “Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán”;

- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý II năm 2014;

Tổng công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị Nam Hà Nội, mã chứng khoán NHA niêm yết trên HNX xin giải trình nguyên nhân dẫn đến những kết quả kinh doanh giữa hai kỳ báo cáo như sau:

Quý II năm 2014, NHA đạt 20.228,89 triệu đồng doanh thu và 166,34 triệu đồng LNST (Lợi nhuận sau thuế). So với cùng kỳ năm 2013, doanh thu tăng 11,79%, LNST giảm 13,25%. Nguyên nhân chủ yếu là do:

+ Doanh thu Quý II năm 2014 tăng do công ty đang hoàn thiện một số hợp đồng xây lắp đã ký trước.

+ Lợi nhuận quý II năm 2014 giảm do chi phí đầu vào tăng như: giá nguyên vật liệu, giá nhân công. Bên cạnh đó chi phí quản lý doanh nghiệp tăng nên lợi nhuận quý II năm 2014 giảm so với cùng kỳ năm 2013.

Tổng công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị Nam Hà Nội xin giải trình.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu CT.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NHÀ VÀ ĐÔ THỊ NAM HÀ NỘI



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Minh Hoàn

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NHÀ VÀ ĐÔ THỊ NAM HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 12/2014/NHA/CV

V/v: Công bố thông tin quý II năm 2014

Hà Nam, ngày 17 tháng 7 năm 2014

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên công ty: Tổng công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị Nam Hà Nội.
2. Mã chứng khoán: NHA.
3. Địa chỉ trụ sở: Cụm công nghiệp Cầu Giát, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.
4. Điện thoại: 03513.847.756 Fax: 03513.866.689
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Hồng Thái.
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính quý II năm 2014 của Tổng công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị Nam Hà Nội được lập ngày 10 tháng 7 năm 2014 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 6.2 Nội dung giải trình (chênh lệch LNST so với cùng kỳ năm ngoái):

Quý II năm 2014, NHA đạt 20.228,89 triệu đồng doanh thu và 166,34 triệu đồng LNST (Lợi nhuận sau thuế). So với cùng kỳ năm 2013, doanh thu tăng 11,79%, LNST giảm 13,25%. Nguyên nhân chủ yếu là do:

+ Doanh thu Quý II năm 2014 tăng do công ty đang hoàn thiện một số hợp đồng xây lắp đã ký trước.

+ Lợi nhuận quý II năm 2014 giảm do chi phí đầu vào tăng như: giá nguyên vật liệu, giá nhân công. Bên cạnh đó chi phí quản lý doanh nghiệp tăng nên lợi nhuận quý II năm 2014 giảm so với cùng kỳ năm 2013.

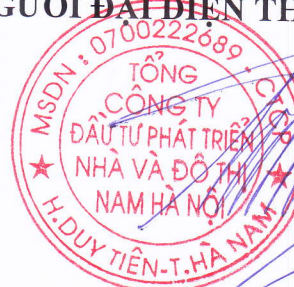
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://namhanoi.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Minh Hoàn